TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **801**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 5 – 2021
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh;
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2200/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5580/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Thế T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 15B, phường PM, Quận X, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Bà Tran, Hang Thi T, sinh năm 1970

Địa chỉ do nguyên đơn cung cấp: Số 1118 Kingston Grove Dr, Cary, NC 27519, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Đỗ Thế T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Thế T và bà Tran, Hang Thi T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 23/01/2017 tại Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 23/01/2017. Sau khi kết hôn, bà Tran, Hang Thi T trở về nước Mỹ (USA) sinh sống và làm việc, ông Đỗ Thế T sinh sống và làm việc tại Việt Nam.

Do điều kiện cuộc sống của vợ chồng ở xa nhau, việc đi lại khó khăn nên tình cảm hôn nhân của vợ chồng dành cho nhau không có, vợ chồng có đời sống chung rất ít. Ông Đỗ Thế T không thể sang nước Mỹ (USA) định cư chung sống với bà Tran, Hang Thi T được vì hồ sơ không được chấp nhận. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Ông Đỗ Thế T yêu cầu ly hôn bà bà Tran, Hang Thi T để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Đỗ Thế T trình bày không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Thế T trình bày không có.

Đối với bị đơn bà Tran, Hang Thi T:

Do bà Tran, Hang Thi T hiện đang cư trú tại nước Mỹ (USA) nên Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) để niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Tran, Hang Thi T biết như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo và yêu cầu bà Tran, Hang Thi T có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa ông Đỗ Thế T và bà Tran, Hang Thi T, đồng thời trình bày ý kiến của bà Tran, Hang Thi T đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thế T. Tuy nhiên, bà Tran, Hang Thi T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tống đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với bà Tran, Hang Thi T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đỗ Thế T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Tran, Hang Thi T đã được cơ quan có thẩm quyền niêm yết, tống đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà Tran, Hang Thi T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Ông Đỗ Thế T và bà Tran, Hang Thi T có thời gian chung sống rất ít, hiện nay vợ chồng không sống chung, mỗi người ở một nơi, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa ông Đỗ Thế T và bà Tran, Hang Thi T không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Thế T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ Thế T trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Đỗ Thế T khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Tran, Hang Thi T hiện đang cư trú tại nước Mỹ (USA), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn ông Đỗ Thế T và bị đơn bà Tran, Hang Thi T tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đỗ Thế T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn bà Tran, Hang Thi T: Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) để niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Tran, Hang Thi T biết như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo và yêu cầu bà Tran, Hang Thi T có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa ông Đỗ Thế T và bà Tran, Hang Thi T, đồng thời trình bày ý kiến của bà Tran, Hang Thi T đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thế T. Tuy nhiên, bà Tran, Hang Thi T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tống đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với bà Tran, Hang Thi T. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thế T đối với bị đơn bà Tran, Hang Thi T, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Thế T đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn bà Tran, Hang Thi T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn bà Tran, Hang Thi T từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Đỗ Thế T cung cấp để xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp cho ông Đỗ Thế T và bà Tran, Hang Thi T, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Thế T và bà Tran, Hang Thi T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Đỗ Thế T yêu cầu ly hôn bà Tran, Hang Thi T với lý do sau khi kết hôn, bà Tran, Hang Thi T trở về nước Mỹ (USA) sinh sống và làm việc, ông Đỗ Thế T sinh sống và làm việc tại Việt Nam, vợ chồng có thời gian sống chung rất ít. Do khoảng cách về địa lý nên điều kiện cuộc sống của vợ chồng ở xa nhau, việc đi lại khó khăn, từ đó tình cảm hôn nhân của vợ chồng dành cho nhau không có. Ông Đỗ Thế T không thể sang nước Mỹ (USA) định cư chung sống với bà Tran, Hang Thi T vì hồ sơ không được chấp nhận. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Đối với bà Tran, Hang Thi T đã được Tòa án tống đạt, niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Tran, Hang Thi T không có văn bản trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thế T và bị đơn bà Tran, Hang Thi T cũng không có văn bản yêu cầu giải quyết việc gì đối với ông Đỗ Thế T. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa ông Đỗ Thế T và bà Tran, Hang Thi T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thế T ly hôn bà Tran, Hang Thi T theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Thế T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Thế T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thế T đối với bị đơn bà Tran, Hang Thi T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đỗ Thế T ly hôn bà Tran, Hang Thi T. Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố H cấp

cho ông Đỗ Thế T và bà Tran, Hang Thi T không còn giá trị pháp lý khi từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Ông Đỗ Thế T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Đỗ Thế T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008226 ngày 07/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo bản án:*

Ông Đỗ Thế T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Đỗ Thế T được tống đạt hợp lệ Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Tran, Hang Thi T cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bà Tran, Hang Thi T được tống đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND QX,TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức